

THAO TÁC LẬP LUẬN PHÂN TÍCH

A – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

- Nắm được mục đích và yêu cầu của thao tác lập luận phân tích.
- Biết cách phân tích một vấn đề chính trị, xã hội hoặc văn học.

B – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

I – NỘI DUNG

1. Đặc điểm bài học

Trọng tâm của chương trình Làm văn nghị luận ở lớp 11 là các thao tác lập luận : phân tích, so sánh, bác bỏ và bình luận. Trước đây, các sách Làm văn thường quan niệm phân tích, so sánh, chứng minh, bình luận là một kiểu bài. Trên thực tế, không một bài nghị luận nào chỉ vận dụng một thao tác. Ví dụ : Không có một kiểu nghị luận nào chỉ thuần túy phân tích, và cũng không có một kiểu văn nghị luận nào lại không có mặt thao tác phân tích. Bởi vậy, hợp lí hơn cả là nên xem phân tích, so sánh, bác bỏ, bình luận,... là những thao tác lập luận. Để tiện cho việc luyện tập, chương trình và SGK *Ngữ văn 11* kết hợp việc tách riêng từng thao tác lập luận với luyện tập vận dụng kết hợp các thao tác trong bài văn nghị luận. Cũng chính vì vậy, thao tác phân tích (cũng như ba thao tác còn lại) được tách ra thành những bài học riêng.

2. Trọng tâm bài học

Bài học có hai nội dung tương ứng với mục I và mục II trong SGK :

- Mục đích, yêu cầu của thao tác lập luận phân tích.
- Cách phân tích.

a) Mục đích, yêu cầu của thao tác lập luận phân tích

Cần làm cho HS nắm được :

– Phân tích là chia nhỏ đối tượng thành các yếu tố để xem xét một cách kĩ càng nội dung, hình thức và mối quan hệ bên trong cũng như bên ngoài của chúng.

– Phân tích bao giờ cũng gắn liền với tổng hợp. Đó là bản chất của thao tác phân tích trong văn nghị luận.

b) Cách phân tích

Nắm được mục đích và yêu cầu của thao tác lập luận phân tích chỉ là cơ sở để tìm hiểu kiến thức trọng tâm nhất của bài học : cách phân tích. Trước tiên, cần xác định mục đích của việc phân tích là làm sáng tỏ ý kiến, quan niệm nào đó (kết luận của lập luận). Sau đó, chia nhỏ đối tượng phân tích (ý kiến, quan niệm) ra từng yếu tố để tìm hiểu sâu hơn. Việc phân tích này thường dựa trên các mối quan hệ :

– Các yếu tố, các phương diện nội bộ tạo nên đối tượng và quan hệ giữa chúng với nhau.

– Quan hệ giữa đối tượng với các đối tượng liên quan (quan hệ nguyên nhân – kết quả, quan hệ kết quả – nguyên nhân,...).

– Thái độ, sự đánh giá của người phân tích đối với đối tượng được phân tích.

II – PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

– Kết hợp giữa việc tổ chức cho HS phân tích các ngữ liệu dựa trên các câu hỏi trong SGK ở từng mục với lời diễn giảng phân tích của GV.

– Trong quá trình HS luyện tập, GV gợi ý bằng những câu hỏi nhỏ để HS thảo luận.

2. Tiến trình tổ chức dạy học

TIẾT 1

a) Mục đích, yêu cầu của thao tác lập luận phân tích

GV cho HS đọc đoạn trích của Hoài Thanh ở mục I, SGK và thực hiện các yêu cầu nêu sau đó. Mục đích của việc tìm hiểu này là giúp HS nắm được mục đích của thao tác phân tích và yêu cầu của thao tác này (tìm được các yếu tố tạo nên đối tượng, kết hợp chặt chẽ giữa phân tích và tổng hợp). Trên cơ sở tìm hiểu ngữ liệu theo định hướng trên, HS hình thành khái niệm về phân tích.

Gợi ý:

– Luận điểm (ý kiến, quan niệm) được thể hiện trong đoạn văn : Sở Khanh là kẻ bán thiu, bán tiện, đại diện của sự đồi bại trong xã hội *Truyện Kiều*.

– Các luận cứ làm sáng tỏ cho luận điểm (các yếu tố được phân tích) :

+ Sở Khanh sống bằng nghề đồi bại, bất chính.

+ Sở Khanh là kẻ đồi bại nhất trong những kẻ làm cái nghề đồi bại, bất chính đó : giả làm người tử tế để đánh lừa một người con gái ngây thơ, hiếu thảo ; trở mặt một cách trơ tráo ; thường xuyên lừa bịp, tráo trở.

– Thao tác phân tích kết hợp chặt chẽ với tổng hợp : Sau khi phân tích chi tiết bộ mặt lừa bịp, tráo trở của Sở Khanh, người lập luận đã tổng hợp và khái quát bản chất của hắn : "...mức cao nhất của tình hình đồi bại trong xã hội này".

b) Cách phân tích

SGK yêu cầu HS phân tích một số đoạn văn nhằm phát hiện cách thức phân tích :

– Phân tích căn cứ vào quan hệ nội bộ của đối tượng.

– Phân tích theo các mối quan hệ nguyên nhân – kết quả, kết quả – nguyên nhân, quan hệ giữa đối tượng với các đối tượng liên quan, phân tích theo sự đánh giá chủ quan của người lập luận.

Gợi ý :

(1) Ngữ liệu ở mục I :

– Phân chia dựa trên cơ sở quan hệ nội bộ trong bản thân đối tượng – những biểu hiện về nhân cách bản thủ, bản tiện của Sở Khanh.

– Phân tích kết hợp chặt chẽ với tổng hợp : Từ việc phân tích làm nổi bật những biểu hiện bản thủ, bản tiện mà khái quát lên giá trị hiện thực của nhân vật này – bức tranh về nhà chứa, tính đồi bại trong xã hội đương thời.

(2) Ngữ liệu (1) mục II :

– Phân tích theo quan hệ nội bộ của đối tượng : Đồng tiền vừa có tác dụng tốt, vừa có tác dụng xấu (sức mạnh tác oai tác quái).

– Phân tích theo quan hệ kết quả – nguyên nhân :

+ Nguyễn Du chủ yếu vẫn nhìn về mặt tác hại của đồng tiền (kết quả).

+ Vì một loạt hành động gian ác, bất chính đều do đồng tiền chi phối... (giải thích nguyên nhân).

– Phân tích theo quan hệ nguyên nhân – kết quả : Phân tích "sức mạnh tác quái" của đồng tiền và thái độ phê phán, khinh bỉ của Nguyễn Du khi nói đến đồng tiền.

Trong quá trình lập luận, phân tích luôn gắn liền với khái quát tổng hợp : sức mạnh của đồng tiền, thái độ, cách hành xử của các tầng lớp xã hội đối với đồng tiền và thái độ của Nguyễn Du đối với xã hội đó.

(3) Ngữ liệu (2) mục II :

– Phân tích theo quan hệ nguyên nhân – kết quả : Bùng nổ dân số (nguyên nhân) và sự ảnh hưởng đến đời sống của con người (kết quả).

– Phân tích theo quan hệ nội bộ của đối tượng – các ảnh hưởng xấu của việc bùng nổ dân số đến con người :

+ Thiếu lương thực thực phẩm.

+ Suy dinh dưỡng, suy thoái nòi giống.

+ Thiếu việc làm, thất nghiệp.

– Phân tích kết hợp chặt chẽ với khái quát tổng hợp : Bùng nổ dân số gây ảnh hưởng đến nhiều mặt cuộc sống của con người. Dân số tăng càng nhanh thì chất lượng cuộc sống của cộng đồng, của gia đình, của cá nhân càng giảm sút.

c) Củng cố kiến thức

– GV cho HS thảo luận về cách thức phân tích và những lưu ý khi phân tích.

– HS đọc phần *Ghi nhớ* trong SGK.

d) Luyện tập

GV cho HS làm bài tập 1 tại lớp ; hướng dẫn yêu cầu và phương hướng giải bài tập 2 để HS làm ở nhà.

TIẾT 2

a) Chữa bài tập 2 của tiết trước.

b) Hướng dẫn HS chữa bài tập 1 và 2 trong SGK.

III – KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

TIẾT 1

Bài tập 1

Các quan hệ làm cơ sở để phân tích :

a) Quan hệ nội bộ của đối tượng (diễn biến, các cung bậc tâm trạng của Thuý Kiều) : đau xót, quẩn quanh và hoàn toàn bế tắc.

b) Quan hệ giữa đối tượng này với các đối tượng khác có liên quan : Bài thơ *Lời kĩ nữ* của Xuân Diệu với bài *Tĩ bà hành* của Bạch Cư Dị.

Bài tập 2

– Nghệ thuật sử dụng từ ngữ giàu hình ảnh và cảm xúc. Chú ý phân tích các từ ngữ : *văng vẳng, trơ, cái hồng nhan, xiên ngang, đâm toạc, tí, con con*.

– Nghệ thuật sử dụng từ trái nghĩa : *say – tỉnh, khuyết – tròn, đi – lại*.

– Nghệ thuật sử dụng phép lặp từ ngữ (*xuân*), phép tăng tiến (*san sẻ – tí – con con*).

– Phép đảo trật tự cú pháp trong câu 5 và 6 :

Xiên ngang mặt đất, rêu từng đám,

Đâm toạc chân mây, đá mấy hòn.

Lưu ý : Thoạt nhìn sự thay đổi : *san sẻ – tí – con con* là sự giảm dần (*tiệm thoái*) nhưng ở đây xét về mức độ cô đơn, sự thiệt thòi về tình cảm của tác giả thì lại là *tăng tiến*.

TIẾT 2

Bài tập 1

a) Những biểu hiện và tác hại của thái độ tự ti :

- Giải thích khái niệm *tự ti*, phân biệt *tự ti* với *khiêm tốn*.
- Những biểu hiện của thái độ tự ti.
- Tác hại của thái độ tự ti.

b) Những biểu hiện và tác hại của thái độ tự phụ :

- Giải thích khái niệm *tự phụ*, phân biệt *tự phụ* với *tự tin*.
- Những biểu hiện của thái độ tự phụ.
- Tác hại của thái độ tự phụ.

c) Xác định thái độ hợp lí : đánh giá đúng bản thân để phát huy mặt mạnh, hạn chế và khắc phục mặt yếu.

Bài tập 2

Đoạn văn nên có một số ý sau :

- Nghệ thuật sử dụng từ ngữ giàu hình tượng và cảm xúc qua các từ : *lôi thôi, ậm ọ.*

- Đảo trật tự cú pháp.
- Sự đối lập giữa hình ảnh sĩ tử và quan trường.
- Cảm nhận về cảnh thi cử ngày xưa.

Với nội dung trên, nên chọn viết đoạn văn có cấu tạo *tổng – phân – hợp*.

- Giới thiệu hai câu thơ và định hướng phân tích.
- Phân tích cụ thể nghệ thuật sử dụng từ ngữ, hình ảnh, phép đảo trật tự cú pháp.
- Nêu cảm nhận về cảnh thi cử ngày xưa dưới chế độ thực dân phong kiến.